

LUẬN A TỶ ĐẠT MA TẬP DI MÔN TÚC
QUYỂN 6

Phẩm 4: BA PHÁP, Phần 4

- Ba thứ trụ: Thiên trụ, Phạm trụ, Thánh trụ.

Hỏi: Thiên trụ là gì?

Đáp: Nghĩa là bốn thứ thiền (tĩnh lự). Bốn pháp nào? Nghĩa là lìa ái dục, các pháp xấu xa bất thiện có tầm, có tứ, lìa sự sinh ra vui mừng.

Khi nhập sơ thiền đầy đủ mà trụ. Rộng nói cho đến nhập vào Tứ thiền đầy đủ mà trụ. Như Đức Thế Tôn đã nói cho thầy Bà-la-môn Phệ-na-bổ-lê: “Nầy Phạm chí nên biết! Như khi Ta nhập tứ thiền ở thế gian, thì cứ chăm chỉ theo một thứ thiền định tĩnh lự mà thực hành. Khi đó thì ta vì thiên trụ (ở cõi trời) mà thực hành. Như khi ta ở thế gian mà trụ nhập vào tứ thiền, cứ tùy theo một thứ thiền mà trụ nhập kể cả khi đi, đứng, ngồi, nằm. Chính khi đó ta là thiên trụ mà trụ dù có đi, đứng, ngồi, nằm. Như vậy khi ở thế gian ta trụ vào tứ thiền thì cứ một thứ thiền định tĩnh lự mà gần gũi luyện tập nhiều lần ân cần quý trọng liên tục, siêng tu không ngơi nghỉ. Đó gọi là Thiên trụ”.

Hỏi: Phạm trụ là thế nào?

Đáp: Tức là bốn thứ vô lượng. Bốn thứ vô lượng là gì? Đó là Từ-Bi-Hỷ-Xả, như Đức Thế Tôn đã nói với thầy Bà-la-môn Phệ-na-bổ-lê: “Nầy Phạm chí nên biết! Như khi Ta tu bốn thứ tâm vô lượng, thì cứ chuyên tâm vào một thứ tâm vô lượng mà thực hành. Chính khi đó mà ta phạm trụ (trụ vào thanh tịnh) mà thực hành. Như khi ta tu bốn tâm vô lượng thì ta cứ chuyên tâm vào một thứ vô lượng tâm mà thực hành kể cả khi đi, đứng, ngồi, nằm. Chính khi đó ta là phạm trụ mà trụ dù có đi, đứng, ngồi, nằm, như vậy khi đó ta cứ một thứ vô lượng tâm mà gần gũi luyện tập nhiều lần ân cần quý trọng liên tục, siêng tu mãi không ngơi nghỉ. Đó gọi là Phạm trụ”.

Hỏi: Thánh trụ là thế nào?

Đáp: Tức là đối với bốn niệm trụ, bốn chánh đoạn, bốn thần túc, năm căn, năm lực, bảy giác chi, tám Thánh đạo... Như Thế Tôn đã nói với thầy Bà-la-môn Phệ-na-bổ-lê: “Này Phạm chí nên biết! Như ở trong những pháp thiện sinh ra từ ý niệm xuất ly, xa lìa, thì ta theo một pháp thiện ấy mà thực hành. Chính khi đó ta là Thánh trụ (trụ vào thánh vị) mà thực hành. Như ta dùng pháp thiện sinh ra từ xuất ly, xa lìa, chuyên tâm vào một pháp thiện đó mà trụ, kể cả việc đi, đứng, ngồi, nằm. Chính khi đó ta là Thánh trụ mà trụ hoặc đi, đứng, ngồi, nằm. Như vậy ta cứ chuyên tâm pháp thiện do xuất ly, xa lìa sinh ra ấy mà gần gũi rèn tập nhiều lần, ân cần quý trọng liên tục, siêng tu mãi không ngơi nghỉ. Đó gọi là Thánh trụ”.

- Ba thứ định: Định có tầm có tứ, định không tầm chỉ có tứ, định không có tầm tứ.

Hỏi: Thế nào là định có tầm có tứ?

Đáp: Nếu định mà có đủ cả tầm và tứ, thì tầm khởi lên, tứ cũng sẽ khởi lên, tầm tương ứng, tứ cũng sẽ tương ứng. Nướng vào tầm tứ mà chuyển tâm trụ vào đó. Và rộng nói cho đến khi tâm chỉ chú vào một cảnh. Thì đó gọi là định có tầm có tứ.

Hỏi: Thế nào là định không có tầm chỉ có tứ?

Đáp: Nếu định mà không có tầm, chỉ có tứ thì không có tầm khởi, chỉ có tứ khởi, và tầm không tương ứng mà chỉ có tứ tương ứng thôi. Khi tầm đã thôi dứt ngơi nghỉ thì chỉ có y vào tứ mà chuyển tâm trụ vào thôi. Và rộng nói cho đến khi tâm chỉ chú vào một cảnh. Đó gọi là định không tầm có tứ.

Hỏi: Thế nào là định không có tầm và tứ?

Đáp: Nếu định mà không có cả tầm và tứ, thì chẳng phải tầm hay tứ khởi, mà tầm và tứ cũng không tương ứng. Nếu tầm và tứ đều đã thôi dứt ngơi nghỉ thì tâm cũng trụ vào đó. Rộng nói cho đến khi tâm chỉ chú vào một cảnh. Đó gọi là định không tầm không tứ.

- Ba thứ chỉ bày:

1. Do thần thông biến hóa chỉ bày.
2. Do tâm ghi nhớ chỉ bày.
3. Do lời dạy răn chỉ bày.

Hỏi: Do thần thông biến hóa chỉ bày là sao? Thần thông biến hóa là gì, chỉ bày là gì mà nói là dùng thần biến để chỉ bày?

Đáp: Thần thông biến hóa, tức là các loại thần thông biến hóa đang biến, đã biến, sẽ biến, tức có thể biến một thành nhiều, hoặc nhiều thành một, hoặc rõ ràng hoặc kín đáo, hoặc biết, hoặc thấy...,

như mọi ngăn cản của tường vách, núi non, sông biển..., thân vẫn đi qua được hết. Như thế nói rộng và kể đến hiện ra thân các trời thần chuyển biến tự do. Đó gọi là thần thông biến hóa.

Chỉ dẫn là sao? Nghĩa là có thầy Bí-sô tuy đã rõ biết các thứ thần thông biến hóa nhưng không để cho ai thấy biết cả. Thì đó gọi là thần biến tự tại chứ không gọi là chỉ dẫn. Như nếu Bí-sô nào rõ biết các thứ thần thông biến hóa mà lại khiến cho người khác đều thấy biết được cả, thì gọi là thần biến tự tại mà cũng gọi là chỉ dẫn. Thế nên khi nói là có thần thông biến hóa chỉ dẫn, thì cần phải khiến cho người khác thấy tất cả, hiểu biết tất cả rồi tùy theo đó mà điều phục dạy dỗ, thì mới gọi là thần biến, cũng gọi là chỉ dẫn. Do đó mà nói do thần thông biến hóa chỉ dẫn, chỉ bày.

Hỏi: Do tâm ghi nhớ chỉ bày: Tâm ghi nhớ là sao? Chỉ bày là sao mà nói tâm ghi nhớ chỉ bày?

Đáp: Tâm ghi nhớ, như Thế Tôn đã dạy: Các thầy Bí-sô nên biết, có một loại người hoặc do xem thấy hình tướng hoặc do nghe nói năng rồi tùy theo đó mà ghi nhớ tâm người khác, ý nó như vậy, như kia, ý nó thay đổi ra sao, hoặc nhớ các việc quá khứ, vị lai, hoặc đang xảy ra, hoặc nhớ các việc làm, các lời nói đã lâu. Hoặc chỉ nhớ chút ít thì gọi là tâm ghi nhớ. Hoặc nhớ được nhiều thì gọi là pháp tâm sở. Các thứ ghi nhớ tất cả như thật thì đều là như thật.

Hoặc có một loại người chẳng do xem tướng, hay nghe nói mà vẫn ghi nhớ được tâm người khác. Nhưng ấy là do thiên thần hoặc ma quỷ (phi nhân) nghe tiếng nói nên ghi nhớ được tâm người khác, ý nói thế này thế kia, ý nó thay đổi ra sao, nói rộng như trước đã kể.

Hoặc có một loại người chẳng do thiên thần hay phi nhân nghe tiếng nói mà ghi nhớ được tâm kẻ khác, song chính là do nội tâm thấy biết tâm tánh của người có các nghĩ ngợi suy tư (tâm tứ) nên ghi nhớ tâm người khác, ý nói thế này thế kia biến đổi ra sao..., nói rộng như trước.

Lại có một loại người chẳng phải do nội tâm biết rõ tánh tình của người khác có suy tư nghĩ ngợi gì. Song do hiện thấy tâm tánh đang trụ vào Tam-ma-địa không tầm không tứ. Thấy rồi thì nghĩ: Như thế là vị này đã không tầm tứ, ý hạnh rất mầu nhiệm. Như thế vị này khi xuất định cứ nên khởi ý như thế, tầm tứ như thế, những điều ghi nhớ tất cả như thật đều là như thật.

Như thế là vị đó từ đó xuất định sẽ khởi ý như thế, tầm tứ như thế các điều ghi nhớ tất cả là như thật thì đều là như thật. Đó gọi là tâm ghi

nhớ

Chỉ dẫn là sao? Nghĩa là như có vị Bí-sô tuy do xem tướng hoặc do nghe nói năng rồi ghi nhớ tâm người khác, rộng nói cho đến: Vị này như thế từ định xuất ra sẽ khởi ý như thế, tâm tứ như thế. Các điều ghi nhớ tất cả là như thật thì đều là như thật. Nếu chẳng để cho người khác biết thì đó gọi là tâm ghi nhớ tự tại chẳng gọi là chỉ dẫn. Còn như có Bí-sô do xem tướng hoặc do nghe nói năng rồi tùy theo đó mà ghi nhớ tâm người khác. Nói rộng cho đến như thế là vị này từ đây xuất định, tất sẽ khởi ý như thế, tâm tứ như thế. Các điều ghi nhớ tất cả là như thật thì đều là như thật, lại còn khiến cho người khác biết được, thì đó gọi là tâm ghi nhớ tự tại (do ở mình) cũng gọi là chỉ dẫn. Thế nên nói tâm ghi nhớ chỉ dẫn. Điều cần là phải khiến cho người khác thấy tất cả, biết tất cả hiểu tất cả rồi tùy theo mà dạy dỗ điều phục, thì mới gọi là ghi nhớ, cũng gọi là chỉ dẫn. Do đó mà gọi là do tâm ghi nhớ mà chỉ bày.

Hỏi: Do răn dạy chỉ bày: Răn dạy là sao, chỉ dẫn là sao mà gọi là do răn dạy mà chỉ bày?

Đáp: Răn dạy, như Thế Tôn nói: “Này các Bí-sô nên biết! Như có Bí-sô vì người khác nói, đây là Khổ thánh đế cần phải biết rõ. Đây là khổ tập (sự gây khổ) Thánh đế phải diệt cho hết. Đây là khổ diệt (sự hết khổ) Thánh đế cần nên chứng. Đây là Đạo dẫn đến sự diệt khổ Thánh đế, cần phải tu tập. Đó gọi là răn dạy”.

Chỉ dẫn (bày) là sao? Nghĩa là có Bí-sô tuy cũng vì người khác nói đây là khổ Thánh đế, cần phải biết cặn kẽ. Đây là sự gây khổ Thánh đế cần phải diệt cho hết. Đây là sự diệt hết khổ cần phải chứng. Đây là Đạo dẫn đến sự diệt khổ cần phải tu hành. Nhưng khi người ấy nghe xong thì lại không chấp nhận cho đó là đúng thật chẳng có được trí tuệ để quan sát các việc ở đời. Nên chỉ gọi đó là lời răn dạy tự tại, chứ không gọi là chỉ dẫn.

Nếu có Bí-sô có khả năng vì người khác nói: Đây là khổ Thánh đế, nên hiểu biết cặn kẽ... cho đến đây là Đạo dẫn đến sự diệt khổ Thánh đế, cần phải tu tập, nhưng lại khiến mọi người khi nghe xong thì liền chấp nhận cho là đúng thật và có được trí tuệ quan sát mọi việc ở đời đúng đắn, nên gọi là sự răn dạy tự tại cũng gọi là sự chỉ bày. Thế nên nói do răn dạy chỉ bày là phải khiến người khác thấy tất cả, hiểu tất cả để tùy theo đó mà răn dạy điều phục họ, nên mới gọi là sự răn dạy cũng gọi là chỉ bày. Do đó mà nói do răn dạy mà chỉ bày.

- Ba thứ thanh tịnh: Thân thanh tịnh, ngữ thanh tịnh và ý thanh tịnh.

Hỏi: Thân thanh tịnh là gì?

Đáp: Đó tức là không giết hại, không trộm cướp, không dâm dục tà hạnh, hoặc nói là lìa giết hại, lìa trộm cướp, lìa phi phạm hạnh. Lại còn có các thân nghiệp hạng có học, có thân nghiệp hạng vô học và có các thân nghiệp hạng khéo phi học phi vô học. Tất cả như thế gọi là thân thanh tịnh.

Hỏi: Ngữ thanh tịnh là gì?

Đáp: Tức lìa lời nói dối, lời ly gián, lời thô tục dữ dằn, lời cấu uế, lại còn có các ngữ nghiệp hạng có học, các ngữ nghiệp hạng vô học và các ngữ nghiệp khéo phi học phi vô học. Tất cả như thế gọi là ngữ thanh tịnh.

Hỏi: Ý thanh tịnh là gì?

Đáp: Tức là không tham lam, không sân giận, thấy biết đúng. Lại còn có các ý nghiệp hạng có học, có các ý nghiệp hạng vô học và có các ý nghiệp khéo phi học phi vô học. Tất cả như thế gọi là ý thanh tịnh. Đức Thế Tôn nói kệ:

*Thân, ngữ, ý thanh tịnh
Ta nói vô lậu tịnh
Gọi thanh tịnh vẹn toàn
Tịnh được các thứ ác.*

- Ba thứ vắng lặng (Tịch mặc): Đó là thân vắng lặng, ngữ vắng lặng, ý vắng lặng.

Hỏi: Thân vắng lặng là sao?

Đáp: Tức là phép tắc luật nghi của thân thuộc loại không học, nên gọi là thân vắng lặng.

Hỏi: Ngữ vắng lặng là sao?

Đáp: Tức là phép tắc luật nghi của ngữ thuộc loại không học, nên gọi là ngữ vắng lặng.

Hỏi: Ý vắng lặng là sao?

Đáp: Tức là phép tắc luật nghi của ý thuộc loại không học, nên gọi là ý vắng lặng. Như Thế Tôn nói kệ:

*Thân, ngữ, ý vắng lặng
Ta nói vô lậu lặng
Gọi vắng lặng vẹn toàn
Vắng lặng các thứ ác.*

- Ba thứ vươn lên (tăng thượng): Đó là đời vươn lên, tự mình vươn lên, pháp vươn lên.

Hỏi: Đời vươn lên là sao?

Đáp: Như Thế Tôn có nói: “Có các Bí-sô thường ở A-lan-nhã, hoặc ngụ bên gốc cây hay ở chỗ vắng vẻ đã học những giáo pháp đáng học hỏi, nên nghĩ: Cõi thế gian này có rất nhiều người tập hợp, và chắc chắn ở những chỗ đông đảo đó phải có nhiều trời thần. Các vị này có thiên nhãn và trí biết rõ lòng dạ người khác, dầu gần hay xa đều thấy rõ ràng, tâm ai xấu tốt cao thấp đều am tường, nay nếu ta nghĩ ngợi (tâm tứ) các việc chẳng thiện, tất nhiên là các đăm mê chấp trước bất thiện sẽ đeo bám vào tâm ta. Nếu các thiên thần chư Thiên thấy biết ta như thế tất sẽ cùng bảo nhau: Hãy xem anh hiền lành kia, đã từng chán đời kính đạo mà xuất gia, tại sao nay lại nghĩ ngợi chi các điều xằng bậy bất thiện để cho các đăm mê chấp trước ác kia có dịp bám chắc vào. Lại trong cõi thế gian đây nơi đại chúng thường tụ họp đó thì hoặc hiện có chư Phật và các hàng đệ tử của Ngài hoặc đã có thiên nhãn và trí thấu hiểu lòng người khác, dù gần hay xa thấy đều biết rõ, tâm ai tốt xấu cao thấp cũng am tường. Nay nếu ta nghĩ ngợi lung tung đến các điều chẳng tốt lành để bị các đăm mê chấp trước ác kia nó bám chặt. Tất nhiên chư Thánh chúng sẽ thấy biết ta. Biết rồi sẽ cùng bảo nhau: Hãy nhìn kỹ người trai trẻ hiền lành kia, đã từng chán đời tự tin đạo xuất gia, tại cơ sao nay lại nghĩ ngợi những điều chẳng tốt lành để các đăm mê chấp trước xấu xa quấy nhiễu ta. Và lại nghĩ: Các người trong thế gian dù có thấy biết ta như những đầu bằng chính ta tự phán xét hiểu biết. Vậy nay ta cần phải tự xét nét chớ nên sinh ra các nghĩ ngợi xằng bậy bất thiện như thế, để bị các đăm mê chấp trước kia chi phối. Người ấy nhân đó tự xét biết tìm hiểu theo dõi mình, rồi siêng năng tinh tấn tu tập hơn lên khiến thân tâm tiến đến chỗ nhẹ nhàng thư thái, xa lìa các hôn trầm mê muội mà trụ vào chánh niệm, tâm chí quyết một điều là chế phục sự ngu si dốt nát. Do thế gian giúp sức vươn lên như thế nên đoạn trừ được các pháp bất thiện khéo tu các pháp thiện. Như thế là nhờ sức thế gian (đời) vươn cao mà khởi lên các pháp thiện hữu lậu hoặc đạo vô lậu. Thế nên gọi là đời vươn lên”.

Hỏi: Tự mình vươn lên là sao?

Đáp: Như Thế Tôn đã nói: “Có những Bí-sô thường ở nơi A-lan-nhã, hoặc tạm trú bên gốc cây hay ở chốn vắng vẻ, đã học các pháp đáng học hỏi, nên nghĩ: Ta nay đã chán đời tục tin đạo, xuất gia, chẳng nên sinh ra các nghĩ ngợi lung tung về các điều xằng bậy bất thiện, để cho các đăm mê chấp trước chi phối ta. Hãy luôn luôn nên tự xét nét, chớ nên nghĩ ngợi lung tung xằng bậy như thế, để cho các thứ đăm mê

ham thích xấu kia lôi cuốn ta. Do đó người ấy tự theo dõi xét nét mình, rồi siêng năng tiến tu để thân tâm được khinh an thoải mái, lìa mình ra hôn trầm mê muội, an trụ vào chánh niệm định tâm một hướng chế ngự ngu si. Ấy là do sức vươn cao của chính mình, nên có thể cắt đứt các pháp bất thiện, giải tu các pháp thiện. Như thế là do chính sức vươn cao của chính mình mà có thể khởi lên các pháp thiện hữu lậu hoặc đạo vô lậu. Đó gọi là tự mình vươn lên”.

Hỏi: Pháp vươn lên là sao?

Đáp: Như Thế Tôn đã nói: “Có nhiều thầy Bí-sô sống nơi A-lan-nhã hoặc ở bên gốc cây nơi thanh vắng, đã từng học các pháp đáng học nên nghĩ: Tất cả pháp mà chư Như Lai bậc Chánh Đẳng Giác nói là khéo nói những gì hiện thấy. Đây là lìa mình ra khỏi nhiệt não đứng lúc. Các bậc trí đến quan sát và thưởng thức thì nội tâm đều chứng ngộ. Chánh pháp như thế, ta đều hiểu biết, không nên sinh nghĩ ngợi lung tung các việc chẳng tốt lành, khiến các đam mê ham thích xấu quấy nhiễu ta. Do đó người ấy tự xét hiểu mình rồi, siêng năng tiến tu khiến thân tâm khinh an thoải mái, xa lìa các hôn trầm mê muội và an trụ vào chánh niệm, định tâm một mực, chế ngự ngu si đần độn. Chính nhờ sức vươn cao của chánh pháp, nên có thể cắt đứt các điều xấu bất thiện và khéo tu các pháp thiện. Như thế là do chính sức vươn cao của chánh pháp, có thể khởi lên các pháp thiện hữu lậu hoặc đạo vô lậu. Đó gọi là pháp vươn cao”. Như Đức Thế Tôn nói kệ:

*Kẻ sống không có trí
Ưa làm các nghiệp ác
Họ giỏi tự thấu suốt
Như thật và hư vọng.
Bậc hiền thiện chứng được
Chẳng nên tự khinh mình
Tự tỉnh ác của mình
Có lỗi, không giấu giếm.
Đời hiện có thiên thần
Phật và đệ tử Phật
Luôn thấy biết kẻ ngu
Gây tạo các nghiệp ác.
Đó là đời vươn cao
Mình và pháp vươn cao
Giải trừ pháp chẳng thiện
Tu hành làm theo pháp.*

*Ta nói kẻ mạnh mẽ
Khéo hàng phục quân ma
Vượt sinh già bệnh chết
Chứng tịch diệt mãi mãi.*

- Ba thứ vô thượng: Đó là hạnh vô thượng, trí vô thượng và giải thoát vô thượng.

Hỏi: Hạnh vô thượng là sao?

Đáp: Tức là vô học tám chi Thánh đạo (Tám Thánh đạo)

Hỏi: Trí vô thượng là sao?

Đáp: Tức là tám thứ trí vô học gọi là trí vô thượng.

Hỏi: Giải thoát vô thượng là sao?

Đáp: Tức là tận trí và vô sinh trí thì gọi là giải thoát vô thượng.

- Ba minh: Là vô học ba minh:

1. Trí sáng của bậc vô học tùy sức mà nhớ về đời trước.
2. Trí sáng của bậc vô học về sinh tử.
3. Trí sáng của bậc vô học về lậu tận.

Hỏi: Thế nào là trí sáng của bậc vô học tùy sức mà nhớ về đời trước?

Đáp: Như nhớ biết đúng như thật các sự việc đời trước, nghĩa là nhớ biết các việc đời quá khứ đúng như thật, hoặc một đời, hay mười đời, trăm đời, ngàn đời, trăm ngàn đời, hoặc nhiều trăm ngàn, nhiều ngàn đời, nhiều trăm ngàn đời. Hoặc kiếp hoại hay kiếp thành, hoặc kiếp hoại và thành, hoặc nhiều kiếp hoại, nhiều kiếp thành, hoặc kiếp hoại thành. Đối với các loài hữu tình sống trong các đời đó, tên gì họ gì, dòng họ nào, ăn những thức ăn gì, đau khổ vui sướng ra sao, sống già hay trẻ, hưởng thọ được nhiều ít khi nào thì chết..., và ta cũng vậy, chính ta hoặc mọi người, sống nơi khác chết rồi sinh lên nơi này, hoặc ở nơi này sinh lên chỗ khác, cho đến hình dạng, cách nói năng, việc làm..., với bao nhiêu thứ của các đời trước đó, chỉ cần một ý nghĩ là ta biết thật rõ ràng đầy đủ đúng y như thật. Đó gọi là trí sáng của bậc vô học tùy sức nhớ mà biết việc đời trước. Vì sao gọi là minh? Tức là trí thấy biết rõ ràng các việc ở đời trước một cách liên tục đó là minh.

Hỏi: Thế nào là trí sáng của bậc vô học về sinh tử?

Đáp: Do thiên nhãn thanh tịnh mà nhìn thấy suốt tất cả mọi người. Thấy rõ các loài hữu tình lúc mới sinh, lúc chết hay hình dạng đẹp, xấu hoặc giỏi, cao sang hay thấp kém, dở dốt, hoặc sinh vào cõi cao quý hay bị đọa vào chốn ác đạo. Các loài hữu tình đó có thân, miệng, ý đã làm các điều tội lỗi xấu ác gì, hoặc khởi lên tà kiến, có những quan điểm

nhận xét bậy bạ, hoặc chê bai chống báng Thánh tăng, các bậc hiền sĩ. Do các tà kiến sai quấy, gây nghiệp tạo nhân, do các nguyên nhân đó mà sau khi chết rồi tất phải rơi vào đường dữ đọa vào địa ngục. Và cũng có các loài hữu tình có thân, ngữ và ý đã thành tựu các hạnh tốt đẹp thanh tịnh nhiệm mầu, phát khởi chánh kiến là những tư tưởng, nhận thức sáng suốt, gây tạo nghiệp thân. Do nhân duyên đó mà khi chết rồi thì được sinh lên các cõi thiện như các cõi trời. Tất cả các loại nghiệp quả tốt, xấu sai khác nhau của tất cả chúng sinh thì đều biết đúng như thật. Thế nên gọi là trí sáng của bậc vô học về sinh tử. Minh ở đây là sao? Là trí hiểu biết các nghiệp quả của mình, đó gọi là minh.

Hỏi: Thế nào là trí sáng của bậc vô học về lậu tận?

Đáp: Tức là biết đúng như thật đây là khổ Thánh đế, đây là nhân gây khổ Thánh đế, đây là sự diệt hết khổ Thánh đế và đây là Đạo dẫn đến sự diệt khổ Thánh đế. Đúng như thật mà biết như thế, thấy như thế, biết rõ các tâm giải thoát, như tâm đã giải thoát các dục lậu, tâm đã giải thoát các hữu lậu. Ta biết một cách đúng như thật: “Đời sống của ta đã hết, phạm hạnh đã lập, việc làm đã xong, chẳng thọ thân sau”. Thế nên gọi là trí sáng của bậc vô học về lậu tận. Minh ở đây nghĩa là gì? Tức là trí biết các lậu hoặc đã dứt hết thế nên gọi là minh. Như Thế Tôn nói kệ:

*Mâu-ni biết đời trước
Thấy các cõi tốt xấu
Hiểu sinh tử đã hết
Được trí tuệ rốt ráo.
Biết tâm hằng giải thoát
Khởi tham sân... các lậu
Thành tựu ba thứ minh
Gọi là đủ ba minh.*

Phẩm 5: BỐN PHÁP, Phần 1

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-tử lại bảo đại chúng: Quý thầy nên biết: Đối với bốn pháp, Đức Phật đã thấu suốt hiểu biết rất tường tận đầy đủ, sau đó đem ra giảng dạy chỉ bày cho tất cả hàng đệ tử. Nay chúng ta cần nên hòa hợp kết tập lại, để sau này khi Đức Phật đã diệt độ thì không có việc tranh cãi. Và tất cả đều tuân hành giữ gìn giới luật phạm hạnh để đem lại vô lượng lợi lạc lâu dài cho tất cả chúng sinh hữu tình. Chúng

ta nên thương xót hàng trời, người khiến họ thọ hưởng được nhiều nghĩa lý thù thắng và mọi sự lợi ích an lạc đẹp đẽ.

Bốn pháp là gì? Đây là năm bài tụng (Ốt-đà-nam):

Bài tụng thứ nhất nói:

*Một: Bốn pháp có mười
Niệm, đoạn, thân, lự, đế
Tưởng, vô lượng, vô sắc
Thánh chủng, quả có bốn.*

Có bốn niệm trụ, bốn chánh đoạn, bốn thân túc, bốn tĩnh lự, bốn Thánh đế, bốn tưởng, bốn vô lượng, bốn vô sắc, bốn thánh chủng, bốn quả Sa-môn.

- Bốn niệm trụ: Thân niệm trụ, thọ niệm trụ, tâm niệm trụ và pháp niệm trụ.

1. Thân niệm trụ là sao?

Đáp: Có mười thứ sắc xứ và pháp xứ thuộc về sắc. Đó gọi là thân niệm trụ.

2. Thọ niệm trụ là sao?

Đáp: Tức là sáu cảm xúc (thọ) của thân, như mắt thấy vật thì sinh ra nhận biết cảm xúc. Cho đến ý xúc pháp sinh ra thọ v.v... Đó gọi là thọ niệm trụ.

3. Tâm niệm trụ là sao?

Đáp: Tức là sáu thức của thân, tức là nhãn thức cho đến ý thức. Đó gọi là tâm niệm trụ.

4. Pháp niệm trụ là sao?

Đáp: Thọ uẩn chẳng thân giữ được pháp vô sắc. Ấy gọi là pháp niệm trụ.

Lại còn, thân vươn lên (tăng thượng) mà sinh ra các pháp thiện hữu lậu và đạo vô lậu. Thế nên gọi là thân niệm trụ. Thọ vươn lên, thì sinh ra các pháp thiện hữu lậu và đạo vô lậu, nên gọi là thọ niệm trụ. Tâm vươn lên thì sinh ra các pháp thiện hữu lậu và đạo vô lậu, nên gọi là tâm niệm trụ. Pháp vươn lên thì sinh ra các pháp thiện hữu lậu và đạo vô lậu, nên gọi là pháp niệm trụ.

Lại còn khi duyên nơi thân tuệ thì gọi là thân niệm trụ. Tuệ duyên nơi thọ thì gọi là thọ niệm trụ. Tuệ duyên nơi tâm thì gọi là tâm niệm trụ. Tuệ duyên nơi pháp thì gọi là pháp niệm trụ.

- Bốn chánh đoạn: Gồm có:

1. Nếu các điều ác bất thiện đã sinh thì phải cố đoạn trừ, luôn luôn khởi sự siêng năng tinh tấn để khuyến khích và gìn giữ tâm như

thế mãi.

2. Nếu các điều ác bất thiện chưa sinh thì phải cố sức khiến chúng đừng sinh, luôn luôn siêng năng tinh tấn khuyến khích và gìn giữ tâm như thế mãi.

3. Nếu các điều thiện chưa sinh, thì phải cố gắng khiến chúng sinh ra, luôn luôn siêng năng tinh tấn khuyến khích và giữ tâm như thế mãi.

4. Nếu các điều thiện đã sinh ra rồi thì phải gắng giữ gìn thật bền bỉ không bao giờ xao lãng, phải luôn tu trì bồi bổ khiến các pháp thiện ấy càng rộng lớn gấp bội, để chứng được trí tuệ lớn. Luôn luôn siêng năng tinh tấn khuyến khích và gìn giữ tâm như thế mãi.

- Đối với các pháp xấu xa chẳng thiện đã sinh ra rồi thì phải gắng sức đoạn trừ, nên phải siêng năng tinh tấn mà khuyến khích và gìn giữ tâm như thế mãi. Vậy “Chánh đoạn” là gì? Tức là cắt đứt các pháp bất thiện đã sinh ra và cố gắng hết sức để khởi tu các pháp thiện hữu lậu và đạo vô lậu, như thế gọi là chánh đoạn thứ nhất.

- Đối với các ác pháp chưa sinh ra thì phải cố gắng ngăn ngừa đừng để nó sinh ra và phải siêng năng tinh tấn khuyến khích và gìn giữ tâm mãi như thế. Chánh đoạn là gì? Tức là phải ngăn ngừa không để các pháp xấu ác, chẳng thiện sinh ra và phải cố gắng vươn lên khởi tu các pháp thiện hữu lậu và đạo vô lậu. Như thế gọi là chánh đoạn thứ hai.

- Đối với các pháp thiện chưa sinh phải cố gắng khiến cho nó sinh ra, luôn luôn siêng năng tinh tấn mà khuyến khích và giữ gìn tâm mãi như thế. Chánh đoạn là gì? Nghĩa là đối với các pháp thiện chưa sinh ra thì phải cố gắng vươn lên tiến tu các pháp thiện hữu lậu và đạo vô lậu. Như thế gọi là chánh đoạn thứ ba.

- Đối với các pháp thiện đã sinh rồi thì phải giữ gìn thật bền vững không chút xao lãng bỏ quên, phải luôn tu trì bồi bổ khiến các pháp thiện ấy càng rộng lớn gấp bội để được chứng trí tuệ lớn. Luôn luôn siêng năng tinh tấn khuyến khích và giữ gìn tâm như thế mãi. Chánh đoạn là gì? Đối với các pháp thiện đã sinh ra rồi thì càng cố sức vươn lên để tiến tu các pháp thiện hữu lậu và đạo vô lậu. Như thế gọi là chánh đoạn thứ tư.

Bốn thần túc: Gồm có:

1. Thần túc đoạn hạnh thành tựu dục Tam-ma-địa.
2. Thần túc đoạn hạnh thành tựu cần Tam-ma-địa.
3. Thần túc đoạn hạnh thành tựu tâm Tam-ma-địa.

4. Thần túc đoạn hạnh thành tựu quán Tam-ma-địa.

- Thế nào là thần túc đoạn hạnh thành tựu dục Tam-ma-địa?

Đáp: Nghĩa là do dục vươn cao (tăng thượng) mà sinh ra các pháp thiện hữu lậu và đạo vô lậu. Thế nên gọi là thần túc đoạn hạnh thành tựu dục Tam-ma-địa.

- Thế nào là thần túc đoạn hạnh thành tựu cần Tam-ma-địa?

Đáp: Cần (siêng năng) vươn cao sẽ sinh ra các pháp thiện hữu lậu và đạo vô lậu. Thế nên gọi là thần túc đoạn hạnh thành tựu cần Tam-ma-địa.

- Thế nào là thần túc đoạn hạnh thành tựu tâm Tam-ma-địa?

Đáp: Tâm vươn cao sẽ sinh ra các pháp thiện hữu lậu và đạo vô lậu. Thế nên gọi là thần túc đoạn hạnh thành tựu tâm Tam-ma-địa.

- Thế nào là thần túc đoạn hạnh thành tựu quán Tam-ma-địa?

Đáp: Quán vươn cao sẽ sinh ra các pháp thiện và đạo vô lậu. Thế nên gọi là thần túc đoạn hạnh thành tựu quán Tam-ma-địa.

Bốn tĩnh lực (Thiền): Tức là tĩnh lực thứ nhất, tĩnh lực thứ hai, tĩnh lực thứ ba và tĩnh lực thứ tư.

1. Thế nào là tĩnh lực thứ nhất?

Đáp: Tĩnh lực thứ nhất thấu giữ năm uẩn thiện.

2. Thế nào gọi là tĩnh lực thứ hai?

Đáp: Tĩnh lực thứ hai thấu giữ năm uẩn thiện.

3. Thế nào là tĩnh lực thứ ba?

Đáp: Tĩnh lực thứ ba thấu giữ năm uẩn thiện.

4. Thế nào gọi là tĩnh lực thứ tư?

Đáp: Tĩnh lực thứ tư thấu giữ năm uẩn thiện.

Bốn Thánh đế: Tức là khổ Thánh đế, khổ tập Thánh đế, khổ diệt Thánh đế, và khổ diệt đạo Thánh đế (đạo đưa đến sự diệt khổ Thánh đế).

1. Khổ Thánh đế là sao?

Đáp: Là chấp chặt vào năm uẩn, tức chấp chặt sắc uẩn, chấp chặt thọ uẩn, chấp chặt tưởng uẩn, chấp chặt hành uẩn, chấp chặt thức uẩn. Đó gọi là khổ Thánh đế.

2. Khổ tập Thánh đế là sao?

Đáp: Chính các nhân hữu lậu nó chiêu tập tạo nên các khổ.

3. Khổ diệt Thánh đế là sao?

Đáp: Chọn lựa pháp diệt và vô vi, nên gọi là khổ diệt Thánh đế

4. Đưa đạo đến sự diệt khổ Thánh đế là sao?

Đáp: Gồm các pháp hữu học và các pháp vô học là con đường

(đạo) đưa đến chỗ diệt khổ.

Bốn tướng: Gồm có:

1. Nghĩ tướng nhỏ.
2. Nghĩ tướng lớn.
3. Nghĩ tướng vô lượng.
4. Không có tướng.

- Nghĩ tướng nhỏ là sao?

Đáp: Tức là khởi ý (tác ý) suy nghĩ tìm hiểu các sắc nhỏ như nghĩ trước thấy ma bầm, nông nặc, rệu rã, vỡ toáng, sinh chương, nghĩ về các hài cốt, sự rục rã của hài cốt, hoặc nghĩ về đất, về nước, về lửa, về gió, hoặc nghĩ về màu xanh, màu vàng, đỏ hoặc trắng, hoặc nghĩ về tai họa tội ác của ái dục, tham dục, hoặc suy nghĩ về các công đức của sự xuất ly (giải thoát)... cùng các thứ đó mà khởi lên các ý tướng, như tướng các việc hiện tại, các việc đã qua hay chưa đến. Đó gọi là nghĩ tướng nhỏ.

- Nghĩ tướng lớn là sao?

Đáp: Tức tác ý suy nghĩ tìm hiểu một cách rộng rãi về các sắc nhưng không phải to lớn đến không có bến bờ biên vực. Ví như cũng nghĩ về thân chết bầm xanh, nói rộng như trước đã nói. Đó gọi là nghĩ tướng lớn.

- Nghĩ tướng vô lượng là sao?

Đáp: Tức là tác ý suy nghĩ, tìm hiểu rộng lớn về các sắc, khối lượng của nó lớn đến vô biên, thí dụ như suy nghĩ về thân chết bầm xanh. Nói rộng như trước, nên gọi là nghĩ tướng vô lượng.

- Không có nghĩ tướng là sao?

Đáp: Đây tức là chỉ rõ không có việc nghĩ tướng chi cả.

Bốn vô lượng: Đó là từ vô lượng, bi vô lượng, hỷ vô lượng và xả vô lượng.

1. Từ vô lượng là sao?

Đáp: Tức các thứ từ ái và lòng tương ứng với thọ, tướng, hành, thức. Như khi người ấy khởi thân nghiệp và ngữ nghiệp hoạt động từ hạnh nhưng đồng thời cũng khởi tâm bất tương ứng hành, có nghĩa là dù thân và ngữ làm hạnh từ nhưng tâm không động, không để ý gì đến, thì đó gọi là từ vô lượng.

2. Bi vô lượng là sao?

Đáp: Tức các thứ bi và lòng thương tương ứng với thọ, tướng, hành, thức. Như khi người ấy khởi thân và ngữ nghiệp hoạt động bi hạnh nhưng đồng thời cũng khởi tâm bất tương ứng nghĩa là thân và ngữ làm hạnh bi nhưng tâm không chấp trước để ý đến, thì đó gọi là bi vô lượng.

3. Hỷ vô lượng là sao?

Đáp: Tức là thứ niềm vui tâm vui tương ứng với thọ, tưởng, hành, thức. Như khi người ấy khởi thân và ngữ nghiệp hoạt động hỷ hạnh, nhưng đồng thời cũng khởi tâm bất tương ứng hành. Nghĩa là thân và ngữ làm hạnh hỷ, nhưng tâm không chấp trước để ý đến, thì đó gọi là hỷ vô lượng.

4. Xả vô lượng là sao?

Đáp: Tức là các thứ xả, và xả tương ứng với thọ, tưởng, hành, thức. Như khi người ấy khởi thân và ngữ nghiệp hoạt động xả hạnh, nhưng đồng thời cũng khởi tâm bất tương ứng hành. Nghĩa là thân và ngữ làm hạnh xả, nhưng tâm không chấp trước, để ý đến. Đó gọi là xả vô lượng.

Bốn vô sắc:

1. Không vô biên xứ.
2. Thức vô biên xứ.
3. Vô sở hữu xứ.
4. Phi tưởng phi phi tưởng xứ.

- Không vô biên xứ: Tóm lược có hai thứ:

1. Định.
2. Sinh.

Hết thấy sinh của thọ, tưởng, hành, thức gọi đó là Không vô biên xứ.

- Thức vô biên xứ là sao?

Đáp: Thức vô biên xứ tóm lược có hai thứ định và sinh. Hết thấy thọ, tưởng, hành, thức của định - sinh thì gọi đó là Thức vô biên xứ.

- Vô sở hữu xứ là sao?

Đáp: Vô sở hữu xứ tóm lược có hai thứ định và sinh. Hết thấy thọ, tưởng, hành, thức của định - sinh thì gọi là Vô sở hữu xứ.

- Phi tưởng phi phi tưởng xứ là sao?

Đáp: Phi tưởng phi phi tưởng xứ tóm lược có hai thứ định và sinh. Nếu hết thấy thọ, tưởng, hành, thức của định - sinh thì gọi đó là Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Và có một thứ định khi khởi tâm bất tương ứng hành đó là định diệt tưởng. Đó gọi là Phi tưởng phi phi tưởng xứ.

Bốn Thánh chủng:

1. Là như một vị Bí-sô khi có được y phục liền vui mừng cho là đầy đủ rồi, vui, khen ngợi là đủ chẳng cần cầu tìm y phục, khiến cho người đời bàn tán khen chê. Nếu cầu chẳng được thì lại không chịu cam phận, mà lại trông ngóng kiếm tìm, đấm ngực bực tức buồn rầu. Còn

như những vị nào khi đã cầu được rồi, đứng pháp thọ dụng, không sinh lòng đam mê, đắm chấp, ham thích, giấu giữ cất chứa. Trong khi thọ dụng, thấy được các lỗi lầm, rồi hiểu biết chỉ mong cầu việc xuất ly giải thoát. Do vậy người này được y phục là đáng mừng vui, nhưng không hề ý mình mà miệt thị khen chê kẻ khác. Trái lại lúc nào cũng siêng năng tinh tấn chuyên tâm thiền định chánh tri. Đó gọi là sự an trụ vào dòng Thánh (Thánh chủng) cổ xưa.

2. Là như thầy Bí-sô có được việc ăn uống liền sinh vui mừng cho là đủ, như trước đã nói đầy đủ.

3. Là như thầy Bí-sô có được ngọa cụ, giường chiếu liền sinh vui mừng cho là đầy đủ, như trước đây đã nói đầy đủ.

4. Là như thầy Bí-sô đã đoạn hết sự ham muốn vui thích lại siêng năng cầu học các cách đoạn trừ ái lạc, ham thích các vui của tu, siêng năng chuyên cần học tập các cách tu đầy an vui. Như thế người này dần dần đạt đến trình độ không cần phải tu phép đoạn ái lạc nữa, cũng không còn phải học hành chi nữa, mà cũng chẳng miệt thị khinh chê ai. Trái lại còn luôn luôn siêng năng khuyến khích tâm mình chú tâm vào chánh tri. Đó gọi là được an trụ vào dòng Thánh cổ xưa.

Hỏi: Thế nào là do các y phục được vui mừng mà được vào dòng Thánh?

Đáp: Khi có được y phục thì vui mừng với sức cố gắng vươn lên để tạo ra vô số pháp thiện hữu lậu và đạo vô lậu, thì đó gọi là do y phục sinh vui mừng mà được vào dòng Thánh.

Hỏi: Khi được ăn uống sinh vui mừng mà được vào dòng Thánh là sao?

Đáp: Khi có được y phục thì vui mừng và với sức cố gắng vươn lên để tạo ra các pháp thiện và đạo vô lậu. Thì đó gọi là do được ăn uống sinh vui mừng mà được vào dòng Thánh.

Hỏi: Khi được ngọa cụ giường nằm sinh vui mừng mà được vào dòng Thánh là sao?

Đáp: Khi có được ngọa cụ giường nằm thì vui mừng và với sức cố gắng vươn lên để tạo ra vô số pháp thiện và đạo vô lậu. Thì đó gọi là do có được ngọa cụ sinh vui mừng mà được vào dòng Thánh.

Hỏi: Thế nào là tu đoạn ái lạc mà được vào dòng Thánh?

Đáp: Khi tu đoạn trừ ái lạc thì càng cố gắng vươn lên sẽ sinh ra các pháp thiện và đạo vô lậu. Thế nên gọi là tu pháp đoạn ái lạc mà được vào dòng Thánh.

Bốn quả Sa-môn: Đó là quả Dự lưu, quả Nhất lai, quả Bất hoàn,

quả A-la-hán.

Thế nào là quả Dự lưu?

Đáp: Quả Dự lưu có hai thứ, tức là hữu vi và vô vi, nghĩa là khi chứng quả Dự lưu rồi, nhưng còn học hỏi các pháp, hoặc đã được, đang được hay sẽ được. Đó gọi là quả Dự lưu hữu vi. Còn quả Dự lưu vô vi là khi đó có được trạch diệt, hoặc đã được, đang được hay sẽ được. Đó gọi là quả Dự lưu vô vi.

Quả Nhất lai và quả Bất hoàn cũng như thế.

Hỏi: Thế nào là quả A-la-hán?

Đáp: Quả A-la-hán cũng có hai thứ hữu vi và vô vi. Quả A-la-hán hữu vi, tức là khi chứng quả A-la-hán rồi thì vẫn còn học hỏi các pháp, hoặc đã được, đang được hay sẽ được. Đó gọi là quả A-la-hán hữu vi. Còn quả A-la-hán vô vi tức là khi chứng quả A-la-hán thì có trạch diệt, hoặc đã được, đang được hay sẽ được. Đó gọi là quả A-la-hán vô vi.

Bài kệ tụng (Ốt-đà-nam) thứ hai:

*Hai: Bốn pháp có chín
Là chi, tịnh, trí, lực
Xứ, uẩn, y, pháp tích
Còn bốn trí có hai.*

Gồm có: Bốn chi Dự lưu, bốn thứ chứng tịnh, bốn thứ trí, bốn thứ lực, bốn thứ xứ, bốn thứ uẩn, bốn thứ y, bốn thứ pháp tích, và trí có hai thứ, còn tám thứ kia mỗi thứ có một thứ.

Bốn chi Dự lưu:

1. Gân gũi bậc thiện sĩ.
2. Lắng nghe chánh pháp.
3. Tác ý (nghĩ ngợi) đúng lý.
4. Pháp tùy, pháp hành.

- Gân gũi bậc Thiện sĩ là sao?

Đáp: Bậc Thiện sĩ đó là Phật và các đệ tử Phật, hoặc là các Bồ-đặc-già-la đầy đủ giới và đức, đã lìa hết các lỗi lầm cấu bẩn (các phiền não), hoàn thành các pháp thiện, đủ khả năng tiếp quả vị của Thầy để thành tựu các đức hạnh cao quý. Biết sai, ăn năn chữa lỗi, biết gìn giữ các pháp thiện, ham học tập các điều cần yếu mới lạ, thấy biết đầy đủ mọi việc. Ham suy tư, chọn, thích khen ngợi tán dương, ưa xét nét quan sát, bản tánh thông minh nhanh nhạy, hiểu biết sáng suốt đầy đủ. Có trí tuệ, không còn ham thích mong cầu. Không chìm đắm trong cõi tham vì các tham lam đã sạch. Không đắm chìm trong cõi sân, vì sân giận đã dứt. Không đắm chìm trong chốn si mê vì các si mê đã tiêu trừ. Luôn

luôn sống trong cảnh điều hòa thuận hợp, bao giờ cũng trống vắng yên lặng và giải thoát mãi mãi. Đây đủ các công đức tuyệt diệu cao quý như thế nên gọi là bậc Thiện sĩ. Nếu ai đối với bậc Thiện sĩ đã có đủ các đức tánh đó mà gần gũi phụng sự cung kính cúng dường..., thì gọi là gần gũi bậc Thiện sĩ.

- Lắng nghe chánh pháp là gì?

Đáp: Nghĩa là đối với những chỗ nào chưa hiểu biết sáng tỏ mà được các bậc Thiện sĩ như vừa kể, chánh pháp giải bày chỉ rõ đúng đắn thì gọi là chánh pháp. Những chỗ nào chưa được khai ngộ thấu đáo thì giúp cho khai ngộ hiểu rõ đúng đắn. Do trí tuệ thông suốt với bao nhiêu câu văn ý nghĩa hay ho hấp dẫn, cao siêu tuyệt diệu mà dùng mọi phương cách thích hợp khéo léo để vì người khác mà diễn giảng giải bày, sắp đặt, trình bày chỉ dạy cho hiểu biết, lấy vô lượng pháp môn mà trình bày chỉ dạy cho hiểu biết đúng đắn như la khi nói khổ thì đúng là khổ, khi nói về tập thì đúng là tập, diệt thì đúng là diệt, đạo thì đúng là đạo..., các thứ như thế đều gọi là chánh pháp.

Nếu đối với chánh pháp đã nói như thế mà thích chú ý lắng nghe, ham thích tu trì, thích chỗ tốt cùng tốt, ưa hiểu biết, thích quan sát tìm hiểu, ham tư duy suy tìm, nghiên cứu, luôn mong ước được thấu suốt mọi lẽ, thích giao tế tiếp xúc, coi quý trọng quả chứng và mong cầu được chứng quả. Vì muốn được nghe chánh pháp nên không sợ gian khổ cay đắng, dễ nhỡ chặc mà làm nên luôn sử dụng lỗ tai rất nhiều và đối với pháp âm (tiếng giảng đạo) thì phát triển Nhĩ thức thật tinh xảo. Như thế gọi là lắng nghe chánh pháp.

- Tác ý (nghĩ ngợi) đúng lý là sao?

Đáp: Khi tai đã nghe thì Nhĩ thức sẽ thấu suốt các nghĩa lý của giáo pháp rất chính xác không hề lầm lẫn. Do nghe hiểu (Nhĩ thức) sẽ khiến tâm chuyên chú gom giữ các điều cần thiết rồi khởi ý nghĩ ngợi suy xét chánh tư duy, tâm tánh tỉnh sáng. Như thế gọi là nghĩ ngợi đúng lý.

- Cách đúng theo pháp mà tu hành là sao?

Đáp: Đúng lý mà nghĩ ngợi tác ý sẽ dẫn đến ý niệm xuất ly, xa lìa, là nơi sinh ra các pháp thiện cao cả, tu tập thật bền bỉ chắc chắn siêng năng không gián đoạn, không xao lãng. Như thế gọi là đúng theo pháp mà tu hành.

Bốn thứ chứng tịnh: Như Kế kinh có nói: Nếu đã được thành tựu bốn pháp thì gọi là Dự lưu. Có bốn pháp nào? Đó là: Phật chứng tịnh, Pháp chứng tịnh, Tăng chứng tịnh và giới được bậc Thánh yêu mến.

1. Phật chứng tịnh là sao?

Đáp: Như Thế Tôn đã nói các thầy Bí-sô nên biết, các đệ tử Phật cần nên nương nhau mà luôn luôn nhớ nghĩ đến chư Phật, Đức Thế Tôn đây chính là Như Lai, đã chứng quả A-la-hán, Chánh đẳng giác, Minh hạnh viên mãn, Thiện thế, Thế gian giải, Vô thượng sĩ, Điều ngự trượng phu, Thiên nhân sư, Phật, Bạc-già-phạm. Các vị nên lấy hình tướng đó để nghĩ nhớ đến chư Phật. Sự thấy biết là chứng trí căn bản, tương ứng với sự tin tưởng và tính chất của lòng tin. Tính chất của niềm tin hiện tiền được tùy thuận chấp nhận nơi lòng ái mộ và tính chất của lòng ái mộ. Khi nào tâm được lắng yên không còn quấy động nữa thì lúc đó là tâm thanh tịnh, nên gọi là Phật chứng tịnh.

2. Pháp chứng tịnh là sao?

Đáp: Như Đức Thế Tôn nói, các thầy Bí-sô nên biết các hàng đệ tử của Phật cần phải nương nhau mà nghĩ nhớ đến Chánh pháp. Do vì chư Phật thuyết Chánh pháp vô cùng hấp dẫn khéo léo, hiện lúc đó ai nghe thấy được, đều được tươi mát và đứng lúc hưởng dẫn những kẻ trí thường gần gũi quan sát sẽ được nội chứng. Các vị nhờ đó mà tùy nay luôn nghĩ nhớ đến chánh pháp. Sự thấy biết là chứng trí căn bản, tương ứng với sự tin tưởng và tính chất của sự tin tưởng, tính chất của niềm tin hiện tiền sẽ tùy thuộc được chấp nhận của sự mến mộ và tính chất mến mộ. Khi nào tâm được lắng yên không còn bị quấy động nữa thì lúc đó tâm được thanh tịnh. Đó gọi là Pháp chứng tịnh.

3. Tăng chứng tịnh là sao?

Đáp: Như Thế Tôn đã nói: Các thầy Bí-sô nên biết, các hàng đệ tử Phật cần phải nương nhau mà nghĩ nhớ đến chư Thánh Tăng. Họ là những hàng đệ tử của Phật đầy đủ các đạo hành nhiệm mầu và hạnh thành thật ngay thẳng, hạnh đúng lý, hạnh pháp tùy pháp, hạnh hòa kính, hạnh tùy pháp. Đối với Tăng ở đây thì có Dự lưu hướng và quả Dự lưu, có hướng Nhất lai và quả Nhất lai, có hướng Bất hoàn và quả Bất hoàn, có hướng A-la-hán và quả A-la-hán. Như thế thì kể chung có bốn đôi và tám cặp Bồ-đặc-già-la, là chúng đệ tử của Phật có đầy đủ giới luật, đầy đủ thiền định, đầy đủ trí tuệ, đầy đủ giải thoát, tri kiến giải thoát đầy đủ, đáng kính mời, đáng phủ phục (rạp mình tôn kính), có vô thượng phước điền rất đáng tôn quý cung kính được mọi người ở thế gian ngưỡng mộ cúng dường. Người ấy nên lấy đó mà tùy theo để nhớ nghĩ đến chư Tăng. Sự thấy biết là trí chứng căn bản, nó tương ứng với sự tin tưởng và tính chất của tin tưởng. Đối với tính chất niềm tin hiện tiền được tùy thuận, được chấp nhận mến mộ và tính chất của mến mộ. Khi tâm đã lắng yên không bị quấy động nữa thì tâm sẽ thanh tịnh. Đó

gọi là Tăng chứng tịnh.

4. Thế nào là giới luật của các Thánh mền thích?

Đáp: Khi thân và ngữ có phép tắc luật nghi vô lậu thì đời sống sẽ thanh tịnh. Đó gọi là chư Thánh thích trì giới.

Hỏi: Vì sao nói là các Thánh mền thích giới luật?

Đáp: Chư Thánh tức là chư Phật và hàng đệ tử Phật các vị ấy đối với giới luật vô cùng mền mộ, hân hoan tin nhận thuận theo không bao giờ dám trái nghịch chống đối. Thế nên gọi là chư Thánh mền thích giới luật. Các hàng Dự lưu thành tựu được bốn việc như thế.

